

Đ. H, ngày 04 tháng 7 năm 2023

Số: 10/2023/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 12/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đăng T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn 6, xã Đ. L, huyện Đ. H, tỉnh K. T.

Bị đơn: Chị Lý Thị Th, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn 6, xã Đ. L, huyện Đ. H, tỉnh K. T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 56, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh Nguyễn Đăng T và chị Lý Thị Th.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ tình cảm:** Anh Nguyễn Đăng T và chị Lý Thị Th thoả thuận thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Anh, chị xác nhận vợ chồng có 02 con chung và thoả thuận Giao 02 cháu là Nguyễn Lý Lệ L, sinh ngày 16/10/2011 và cháu Nguyễn Đăng Tuấn T, sinh ngày 27/7/2016 cho anh Nguyễn Đăng T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và sống tự lập được. Chị Lý Thị Th

không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Chị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- ***Về tài sản chung, nợ chung***: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về án phí dân sự sơ thẩm***: Căn cứ Điều 144, khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị Quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Thuận tình ly hôn là **150.000** đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) các đương sự phải chịu. Anh Nguyễn Đăng T thỏa thuận nhận chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh T đã nộp là **300.000** đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0001772 ngày 01/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. H, tỉnh K. T. Hoàn trả lại số tiền chênh lệch là **150.000** đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) cho anh Nguyễn Đăng T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đ. N;
- TAND tỉnh K. T;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H;
- Chi cục THADS huyện Đ. H;
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Quách Văn N